

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 206/2007/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 29 tháng 01 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình Phát triển bền vững
ngành Tài nguyên và Môi trường đến năm 2010

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Chương trình phát triển bền vững quốc gia (Chương trình nghị sự 21);

Căn cứ Thông tư số 01/2005/TT-BKH ngày 09/3/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Triển khai thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam);

Căn cứ Chỉ thị số 29/2006/CT-UBND ngày 22/9/2006 của UBND tỉnh Phú Yên về việc triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Yên 5 năm (2006-2010);

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (tại Tờ trình số 29/STNMT ngày 12/01/2007),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình Phát triển bền vững ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên đến năm 2010.

Điều 2. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, UBND các huyện, thành phố theo chức năng nhiệm vụ của mình triển khai xây dựng Chương trình kế hoạch để phối hợp triển khai thực hiện Chương trình phát triển bền vững ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên đến năm 2010.

Điều 3. Các ông: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Thị Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGÀNH
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH PHÚ YÊN ĐẾN NĂM 2010**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 206/2007/QĐ-UBND ngày 29/01/2007
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)*

Phát triển bền vững là sự phát triển hài hoà cả về 3 mặt: kinh tế - xã hội - môi trường để đáp ứng những nhu cầu về đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của thế hệ hiện tại nhưng không làm tổn hại, gây trở ngại đến khả năng phát triển kinh tế- xã hội và không làm giảm chất lượng cuộc sống của các thế hệ trong tương lai.

Trong những năm qua, phát triển kinh tế- xã hội ở tỉnh ta vẫn còn dựa nhiều vào việc khai thác tài nguyên thiên nhiên; năng suất lao động còn thấp; công nghệ sản xuất, mô hình tiêu dùng còn sử dụng nhiều năng lượng, nguyên liệu và thải ra nhiều chất thải. Nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên bị khai thác cạn kiệt, sử dụng lãng phí và kém hiệu quả. Môi trường thiên nhiên ở nhiều nơi bị phá hoại nghiêm trọng, ô nhiễm và suy thoái đến mức báo động. Hệ thống chính sách và công cụ pháp luật chưa đồng bộ để có thể kết hợp một cách có hiệu quả giữa 3 mặt của sự phát triển: kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường. Trong các chiến lược, quy hoạch tổng thể và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cũng như của các ngành và địa phương, 3 mặt quan trọng trên của sự phát triển bền vững chưa thực sự được kết hợp và lồng ghép chặt chẽ với nhau.

Chương trình phát triển bền vững tài nguyên và môi trường tỉnh Phú Yên đến năm 2010 bao gồm những hành động chiến lược và hành động cụ thể nhằm kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hoà giữa: **quản lý - khai thác - sử dụng** nhằm bảo đảm tính hợp lý, tiết kiệm và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường góp phần phát triển kinh tế, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường, bảo đảm sự phát triển bền vững tỉnh nhà, không làm tổn hại, gây trở ngại đến khả năng cung cấp tài nguyên để phát triển kinh tế - xã hội mai sau.

1. Mục đích yêu cầu

Chương trình hành phát triển bền vững đến của ngành Tài nguyên và Môi trường được xây dựng trên cơ sở định hướng phát triển kinh tế - xã hội 2006-2010 của tỉnh; những yêu cầu, nhiệm vụ của ngành Tài nguyên và Môi trường nhằm phát huy những thành tựu và khắc phục những mặt yếu của ngành trong thời gian qua.

Đây là chương trình nhằm triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm (2006-2010), trong đó nhiệm vụ bảo vệ môi trường được sự quan tâm tương ứng với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo phát triển bền vững, tập trung vào chất lượng tăng trưởng, giảm nghèo và cải thiện các dịch vụ xã hội.

Chương trình phát triển bền vững đến năm 2010 của ngành Tài nguyên và Môi trường đảm bảo thực hiện mục tiêu tổng quát, nhiệm vụ và các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006-2010 của tỉnh, với các yêu cầu sau:

1.1. Tăng cường năng lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường phục vụ phát triển kinh tế, xã hội; tăng cường quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường; phát triển bền vững theo mục tiêu phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2006-2010 của tỉnh;

1.2. Bám sát qui hoạch sử dụng đất các cấp (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã); Qui hoạch khai thác, sử dụng cát sỏi lòng sông; Qui hoạch tổng thể sử dụng tài nguyên nước và Chiến lược bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên đến năm 2010; Chương trình hành động số 37-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và Kế hoạch số 2144/KH-UBND của UBND Tỉnh về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phù hợp với qui hoạch phát triển kinh tế xã hội về tăng trưởng kinh tế và xoá đói giảm nghèo;

1.3. Các mục tiêu phát triển của ngành Tài nguyên và Môi trường phải cân bằng với nguồn lực tài chính, trên cơ sở huy động từ các nguồn: (1) Ngân sách Nhà nước, (2) Đóng góp của cộng đồng và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, (3) Nguồn tài trợ trong nước và quốc tế;

1.4. Tăng cường và mở rộng sự hợp tác trong nước theo các hình thức song phương và đa phương với các tỉnh khu vực và trên toàn quốc;

1.5. Chương trình hành động đến năm 2010 của ngành Tài nguyên và Môi trường phải phát huy được những ưu điểm và khắc phục những tồn tại chủ yếu của kỳ kế hoạch 2001-2005.

2. Căn cứ pháp lý

Để đảm bảo các yêu cầu trên, Chương trình phát triển bền vững đến năm 2010 của ngành Tài nguyên và Môi trường được xây dựng trên các căn cứ sau:

2.1. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ XIV;

2.2. Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2006-2010 và các Nghị quyết Hội đồng nhân dân;

2.3. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm (2006-2010) tỉnh Phú Yên;

2.4. Kế hoạch 418/KH-UBND ngày 17/3/2005 của UBND tỉnh Phú Yên về việc triển khai thực hiện Luật đất đai năm 2003;

2.5. Chương trình hành động 37-CTr/TU, ngày 09/6/2005 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá- hiện đại hoá (CNH-HĐH) đất nước;

2.6. Kế hoạch 124/KH-UBND về việc triển khai thực hiện Chương trình hành động số 37-CTr/TU của Ban thường vụ Tỉnh uỷ về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá;

2.7. Chiến lược bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên đến năm 2010;

2.8. Báo cáo hiện trạng môi trường 05 năm 2001-2005;

2.9. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tỉnh Phú Yên đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;

2.10. Kết quả thực hiện Kế hoạch 5 năm 2001-2005 của ngành Tài nguyên và Môi trường và yêu cầu nhiệm vụ của ngành trong giai đoạn 2006-2010.

3. Nội dung chương trình

3.1. Những kết quả đạt được của ngành Tài nguyên và Môi trường trong những năm qua.

Nhiệm vụ trong những năm qua hết sức nặng nề, là giai đoạn thi hành Luật Đất đai năm 2003, Luật BVMT 2005 và Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Khoáng sản trong khi bộ máy quản lý đang tiếp tục kiện toàn, lại phải thực hiện gắn kết các lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Nhưng với tinh thần đoàn kết, nỗ lực, ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên đã thực hiện tốt và đồng bộ công tác quản lý ngành từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở và đạt được những kết quả tích cực, cụ thể như sau:

3.1.1. Nâng cao năng lực quản lý và nhận thức cộng đồng.

a) Kiện toàn bộ máy tổ chức ngành Tài nguyên và Môi trường:

Sở Tài nguyên và Môi trường được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 1588/2003/QĐ-UB ngày 08 tháng 7 năm 2003 của UBND tỉnh Phú Yên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy. Kiện toàn cơ cấu tổ chức và hoạt động của Sở và các trung tâm (Trung tâm Thông tin Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường); Thành lập Trung tâm Phát triển Quỹ đất; Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất.

Cùng với sự thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng TN&MT thuộc các huyện, thành phố cũng được hình thành và đi vào hoạt động. Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trực thuộc huyện, thành phố cũng được thiết lập.

b) Cải cách thủ tục hành chính:

Song song với công tác hoàn thiện cơ cấu tổ chức, Sở đã soát xét, cải cách thủ tục hành chính trong việc giao đất, cho thuê đất; thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp phép thăm dò, khai thác tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước ngầm...

c) Giáo dục, đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ:

Vấn đề giáo dục và đào tạo cán bộ có đủ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức, chính trị... được chú trọng. Hàng năm ngành đã tổ chức tập huấn Luật Đất đai năm 2003; Luật Tài nguyên nước; Luật Khoáng sản (sửa đổi, bổ sung); Luật Bảo vệ Môi trường năm 2005 cho cán bộ ngành từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở, tạo điều kiện cho CBCNV tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chính trị, quản lý nhà nước, kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ, trên địa bàn và ở các tỉnh bạn do Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức.

d) Tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật và đổi mới công nghệ:

Trong những năm qua, ngành Tài nguyên và Môi trường nói chung và Sở TN&MT nói riêng đã được UBND tỉnh đầu tư, hiện đại hoá trang thiết bị, máy móc phục vụ công tác quan trắc môi trường, công tác quản lý hiệu quả và hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường. Năm 2005, Sở Tài nguyên và Môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường đầu tư Dự án: Trang thiết bị, công nghệ Trung tâm Thông tin Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên, với tổng vốn đầu tư khoảng 3 tỷ đồng và UBND tỉnh đầu tư Dự án: Mở rộng, nâng cấp trụ sở Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng:

Là ngành thực hiện chức năng thống nhất quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường. Thời gian qua, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, tổ chức chính trị, xã hội, các cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn tỉnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tài nguyên và môi trường nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng, bao gồm:

- Phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí tuyên truyền phổ biến các văn bản qui phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường gồm: đất đai, môi trường, tài nguyên nước và khí tượng thuỷ văn, khoáng sản;

- Phối hợp với Hội Nông dân, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về Luật đất đai, Luật Bảo vệ Môi trường và Luật Tài nguyên nước. Tổ chức ký kết và triển khai thực hiện các Nghị quyết liên tịch giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với 07 tổ chức đoàn thể về bảo vệ môi trường; Phối hợp với các Sở, Ban, Ngành lồng

ghép, đưa nội dung bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên vào nội dung tuyên truyền, phổ biến, giáo dục của mỗi ngành, mỗi lĩnh vực;

- Hàng năm tổ chức hưởng ứng các ngày lễ: Ngày đa dạng sinh học (22/5), Tuần lễ nước sạch và vệ sinh môi trường (29/5-6/5); Ngày Môi trường thế giới (5/6), Chiến dịch làm thế giới sạch hơn (19/9)... nhằm tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường và đa dạng sinh học cho mọi tầng lớp nhân dân.

3.1.2. Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật tài nguyên và môi trường ở địa phương.

Nhằm thực thi các văn bản pháp luật, thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn. Nhiều văn bản quy phạm pháp luật đã được UBND tỉnh Phú Yên ban hành và chỉ đạo các ngành địa phương triển khai thực hiện. Cụ thể như sau:

- Chỉ thị số 12/2004/CT-UB về việc thi hành Luật đất đai năm 2003;
- Kế hoạch số 418/KH-UBND ngày 17/3/2005 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Luật đất đai;
- Chỉ thị số 20/2003/CT-UB ngày 31/12/2003; Chỉ thị số 17/2006/CT-UBND ngày 26/5/2006 về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Phú Yên.
- Chương trình hành động số 37-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá- hiện đại hoá đất nước.
- Kế hoạch số 2144/KH-UBND của UBND Tỉnh về việc triển khai Chương trình hành động số 37-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.
- Chỉ thị số 18/2006/CT-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2006 của UBND Tỉnh về việc triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2005.
- Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 16 tháng 02 năm 2006 của UBND Tỉnh về việc ban hành hạn mức giao đất công nhận quyền sử dụng đất.
- Chỉ thị số 10/2006/CT-UB ngày 7 tháng 4 năm 2006 của UBND Tỉnh về việc khắc phục yếu kém sai phạm, tiếp tục đẩy mạnh tổ chức thi hành Luật đất đai.
- Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2006 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về lập, điều chỉnh, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Và những văn bản, quy định khác có liên quan.

3.1.3. Xây dựng quy hoạch, chiến lược phát triển một số lĩnh vực ngành tài nguyên và môi trường.

Để có cơ sở thực hiện việc giao đất, cho thuê đất cấp giấy phép thăm dò, khai thác sử dụng khoáng sản và tài nguyên nước. Trong thời gian qua, ngành tài nguyên và môi trường đã xây dựng những quy hoạch sau:

a) Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Phú Yên thời kỳ 2001-2010 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 347/QĐ-TTg ngày 26/3/2001; Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2001-2005 tỉnh Phú Yên đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1256/QĐ-TTg ngày 30/12/2002. Do yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, liên vùng, các huyện và thành phố nên đã đặt ra vấn đề cần phải điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh thời kỳ 2000-2010 đã được điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

b) 100% huyện, thành phố đã triển khai lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, có 50/106 xã lập quy hoạch sử dụng đất; trong đó đã phê duyệt 09 xã, 41 xã đang thực hiện lập quy hoạch.

c) Quy hoạch tổng thể sử dụng Tài nguyên nước đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 (đang xây dựng).

d) Quy hoạch khai thác, sử dụng cát sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh Phú Yên đã được UBND tỉnh phê duyệt năm 2002.

e) Quy hoạch phân vùng khai thác và sử dụng theo chất lượng quặng diatomit tỉnh Phú Yên (đang trình Bộ Công nghiệp phê duyệt).

f) Chiến lược BVMT tỉnh Phú Yên được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1852/2001/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2001.

3.1.4. Quản lý nhà nước về các lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

a) Lĩnh vực Tài nguyên đất.

- Thực hiện kiểm kê đất đai định kỳ 5 năm (2005) theo Chỉ thị số 28/2004/CT-TTg ngày 17/5/2004 của Thủ tướng Chính phủ và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bộ số liệu thống kê đất đai toàn tỉnh phục vụ cho kế hoạch phát triển kinh tế - xã 5 năm 2006-2010 của Tỉnh.

- Đẩy nhanh tiến độ giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cơ bản hoàn thành việc cấp các loại giấy chứng nhận theo Kế hoạch 418/KH-UB ngày 17/3/2005 của UBND tỉnh Phú Yên.

* Đo đạc, lập bản đồ địa chính.

Bản đồ địa chính có tầm quan trọng đặc biệt đối với công tác quản lý nhà nước về đất đai, là cơ sở để lập qui hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giao đất, thu hồi đất, giải quyết tranh chấp đất đai. Trong những năm qua, có 88/106 xã, phường thị trấn đã được đo đạc và lập bản đồ địa chính.

* Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tính đến tháng 10 năm 2006, toàn tỉnh đã cấp được 203.256 giấy CNQSDĐ, với diện tích 249518,17ha/338126,16ha đạt 73,79%. Trong đó:

+ *Nhóm đất nông nghiệp*: Đã cấp được 139.006 giấy CNQSDĐ, với 214.352,7ha/296394,5ha, bao gồm:

Đất sản xuất nông nghiệp: 106.482 giấy CNQSDĐ, với diện tích 58.482,9ha/95.441,02ha, chiếm 61,27%;

Đất lâm nghiệp: 108.17 giấy CNQSDĐ, với diện tích 143.062,58/182.502,16ha, chiếm 78,38%;

Đất nuôi trồng thủy sản: 746 giấy CNQSDĐ, với diện tích 405,38ha/1.948,82ha, chiếm 20,8%.

Đất làm muối: 26 giấy CNQSDĐ, với diện tích 56,5ha/176,2ha, chiếm 32,06%.

+ *Nhóm đất phi nông nghiệp*: Cấp được 83.141 giấy CNQSDĐ, với 4.181,4ha/14.410,47ha, bao gồm:

Đất ở tại nông thôn: Đã cấp được 66.001 giấy CNQSDĐ, với diện tích 1.804,94ha/4.055,47 chiếm 26,72%;

Đất ở tại đô thị: 16.509 giấy CNQSDĐ, với diện tích 468,14ha/987,9ha chiếm 47,38%.

Đất chuyên dùng: Cấp được 526 giấy CNQSDĐ, với diện tích 1.871,68ha/7.783,39, chiếm 24,04%;

Đất tôn giáo tín ngưỡng: Cấp 96 giấy CNQSDĐ, với diện tích 28,6ha/67,49ha đạt 42,37%.

b) Lĩnh vực tài nguyên nước và khí tượng thủy văn.

- Thu thập, tổng hợp, xử lý các số liệu về các vùng đất ngập nước, nước dưới đất, sông suối, các công trình cấp nước trên các lưu vực, các vùng xảy ra thiên tai (lũ lụt, hạn hán, bão, động đất,...), khí tượng thủy văn, hiện trạng cung cấp nước sạch nông thôn... thành lập các chuyên đề về đất ngập nước; một số loại hình thiên tai thường xảy ra trên địa bàn tỉnh Phú Yên; mạng lưới các trạm thủy văn-cơ sở dữ liệu.

- Điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác nước dưới đất tại một số khu vực ở huyện Sông Cầu, Tuy An, Đông Hòa, các đơn vị thăm dò khai thác nước, các cơ sở hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn Tỉnh.

- Cập nhật các thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ kịp thời, dự báo về khí tượng thủy văn.

- Thu thập số liệu xây dựng bản đồ một số lưu vực sông lớn trên địa bàn tỉnh Phú Yên. Tổ chức số hoá bản đồ ranh giới lưu vực các sông, suối trong tỉnh có chiều dài lớn hơn 10km;

- Thẩm định, cấp phép việc thăm dò và khai thác sử dụng nước dưới đất: Thẩm định và trình UBND tỉnh cấp phép 16 đề án xin thăm dò và 03 đề án xin khai thác nước dưới đất, 03 đề án khai thác nước mặt; 07 hồ sơ thiết kế giếng thăm dò – khai thác nước dưới đất.

c) Lĩnh vực tài nguyên khoáng sản.

- Điều tra, đánh giá giá trị kinh tế - địa chất các loại tài nguyên khoáng sản; Điều tra, khảo sát lập bản đồ khoanh vùng hoạt động khoáng sản.

- Lập hồ sơ tận thu 73 điểm khoáng sản các loại.

- Tích cực tham gia cùng chính quyền địa phương đề ra biện pháp, ngăn chặn tình trạng khai thác khoáng sản trái phép, nhất là tình trạng khai thác, vận chuyển, mua bán điatômít ở huyện Tuy An và khai thác cát trái phép ở lưu vực sông Ba trên địa bàn các huyện Tây Hòa, Đông Hòa, Phú Hòa, thành phố Tuy Hòa và sông Cái trên địa bàn xã An Dân - huyện Tuy An.

- Thực hiện đúng qui trình thủ tục cấp phép, gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản. Thẩm định và cấp 48 giấy phép khai thác khoáng sản trên địa bàn.

d) Lĩnh vực môi trường.

Quan trắc và phân tích môi trường.

- Thu thập, xử lý, lưu trữ và cung cấp thông tin về môi trường; Quan trắc, phân tích môi trường theo định kỳ hàng năm nhằm xây dựng Báo cáo hiện trạng môi trường Tỉnh theo định kỳ (báo cáo hiện trạng môi trường hàng năm và báo cáo hiện trạng môi trường 05 năm 2001-2005).

- Kiểm tra, đánh giá hiện trạng môi trường phục vụ công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường cho các dự án, đơn vị sản xuất kinh doanh.

- Kiểm tra, thu mẫu, phân tích, đánh giá mức độ ô nhiễm của các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm trên địa bàn Tỉnh.

* Phòng ngừa ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường.

- Thực hiện đúng qui trình thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường; ký quỹ hoàn phục môi trường trong khai thác khoáng sản: Trong thời gian qua, đã phê duyệt 8 báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), 351 Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường; Thẩm định 38 dự án khai

thác khoáng sản ký quỹ hoàn phục môi trường và 172 bản kê khai đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.

- Xử lý và di dời 05 cơ sở gây ô nhiễm môi trường theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ V/v Xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

- Tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt với 12.000 khách hàng và phí bảo vệ môi trường đối với thải công nghiệp 25 cơ sở sản xuất kinh doanh theo Nghị định 67/2003/NĐ-CP và Thông tư 125/2004/TT-BTNMT.

e) Công tác thanh tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về tài nguyên và môi trường

Thanh, kiểm tra là nhiệm vụ hết sức quan trọng của công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, đặc biệt là lĩnh vực đất đai. Tính đến cuối năm 2005, đã thành lập 06 đoàn thanh, kiểm tra xử lý vi phạm qui hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh. Tổng số có 44 đơn vị được kiểm tra (trong đó: có 17 đơn vị cấp xã, 03 đơn vị cấp huyện, 24 tổ chức), với diện tích là 121.063.276,8m². Kết quả, đã phát hiện và xử lý vi phạm 07 đơn vị và 254 hộ gia đình sử dụng đất sai mục đích, không đúng qui hoạch, kế hoạch sử dụng đất với tổng diện tích 700.905,15m².

Ngoài ra, nhiệm vụ thanh, kiểm tra về các lĩnh vực môi trường, khoáng sản và tài nguyên nước- khí tượng thủy văn được triển khai thường xuyên. Thanh tra Sở phối hợp cùng các phòng chức năng tổ chức thanh, kiểm tra thường kỳ và đột xuất và xử lý nhiều hoạt động gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước; khai thác tài nguyên nước ngầm và tài nguyên khoáng sản trái phép trên địa bàn Tỉnh. Đồng thời tổ chức tiếp dân, nhận và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo những hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường.

3.2. Những khó khăn và thách thức.

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn những mặt hạn chế, tồn tại, khó khăn chủ yếu sau đây:

- Quan điểm phát triển bền vững chưa được thể hiện một cách rõ rệt và nhất quán thông qua hệ thống chính sách và công cụ điều tiết từ trung ương đến cơ sở;

- Các chính sách về phát triển kinh tế - xã hội chưa quan tâm đầy đủ, đúng mức về khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường;

- Nhận thức của đông đảo nhân dân và doanh nghiệp về khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường còn yếu kém; chưa có ý thức trong công tác bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học;

- CSDL phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường còn thiếu và chưa được cập nhật thường xuyên;

- Kinh phí phân bổ hàng năm cho sự nghiệp tài nguyên và môi trường còn thấp, chưa đáp ứng được công tác quản lý tài nguyên và môi trường trong thời kỳ công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước; Công tác điều tra cơ bản chưa được đầu tư đúng mức, dẫn đến nhiều nguồn tài nguyên đang bị suy thoái và cạn kiệt nghiêm trọng.

- Quá trình lập quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, địa phương; quy hoạch, kế hoạch của ngành tài nguyên và môi trường và các ngành liên quan chưa được lồng ghép chặt chẽ và hợp lý với nhau.

Cụ thể như sau:

3.2.1. Việc quản lý, sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất đai:

- Công tác lập qui hoạch - kế hoạch sử dụng đất đến 2010 đối với cấp xã còn triển khai chậm, do khó khăn về nguồn kinh phí.

- Đo đạc và lập bản đồ địa chính, đăng ký lập hồ sơ địa chính chưa hoàn thành. Nguồn kinh phí chưa đáp ứng đủ nên còn 31 xã chưa đo đạc lập bản đồ địa chính và 49 xã chưa đăng ký lập hồ sơ địa chính. Trong khi đó, những xã đã đo đạc lập bản đồ địa chính đến nay đã có nhiều biến động nhưng chưa có nguồn kinh phí để chỉnh lý.

- Việc sử dụng đất không đúng mục đích vẫn đang còn tiếp diễn, đa số nhân dân (đặc biệt là vùng núi và ven biển) chưa nhận thức được giá trị của việc được cấp giấy CNQSDĐ;

- Tiến độ cấp giấy CNQSDĐ còn chậm theo Kế hoạch 418/KH-UBND ngày 17/3/2005 của UBND tỉnh Phú Yên;

- CSDL về đất đai chưa được cập nhật thường xuyên, chưa được xây dựng và chuẩn hoá để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai.

- Công tác bảo vệ môi trường đất, chống thoái hoá, xói mòn, rửa trôi đất và cải tạo đất chưa được các cấp quản lý và nhân dân quan tâm, đặc biệt là ở các khu vực miền núi.

3.2.2. Việc quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên khoáng sản:

- Việc khai thác bừa bãi vật liệu xây dựng vẫn diễn ra thường xuyên ở một số khu vực Sông Ba (thuộc địa phận huyện Tây Hoà, Phú Hoà, TP. Tuy Hoà), ở Sông Cái huyện Tuy An và một số nơi khác chưa được ngăn chặn triệt để; hoạt động khai thác khoáng sản tự phát của nhân dân ở một số mỏ nhỏ lẻ, phân tán chưa được kiểm soát.

- CSDL về tài nguyên khoáng sản chưa được xây dựng hoàn chỉnh, chưa được điều tra đánh giá thực trạng về trữ lượng và hiện trạng khai thác;

- Việc đầu tư và trang bị công nghệ hiện đại trong các công đoạn như khai thác, sàng tuyển và chế biến khoáng sản nhằm chống lãng phí và thất thoát tài nguyên khoáng sản chưa được đầu tư.

3.2.3. Việc quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước.

- CSDL về tài nguyên nước bước đầu đã được thống kê, tuy nhiên vẫn chưa hoàn chỉnh.

- Hoạt động khai thác nước ngầm chưa có quy hoạch, chưa được kiểm soát chặt chẽ đặc biệt là việc khai thác nước ngầm ven biển để phục vụ cho hoạt động nuôi trồng tôm trên cát chưa được kiểm soát chặt chẽ.

- Nguồn nước ngầm ở một số địa phương bị nhiễm hoá chất như: Sơn Thành (Sơn Hoà), Xuân Lãnh (Đông Xuân) và huyện Đông Hoà chưa được điều tra và đánh giá những ảnh hưởng đến sức khoẻ cộng đồng địa phương.

- Việc sử dụng nước mặt ven biển và nội địa để phục vụ nuôi trồng thủy hải sản chưa có quy hoạch và chưa mang tính bền vững.

- Chưa có quy hoạch khai thác và cung cấp nước ở các vùng miền núi là nơi thường xuyên xảy ra hạn hán vào mùa khô và lũ lụt cục bộ vào mùa mưa.

- Nhận thức của đông đảo nhân dân về sử dụng và tiết kiệm nguồn nước, đặc biệt là nguồn nước ngầm còn yếu.

3.2.4. Tài nguyên biển, ven biển và hải đảo ven bờ.

Tỉnh Phú Yên có 189km bờ biển, với nhiều vũng, vịnh, đầm phá và cửa sông. Là nơi tồn tại nhiều hệ sinh thái nhạy cảm như: rạn san hô, thảm cỏ biển và hệ sinh thái cửa sông, với sự đa dạng sinh học cao, nguồn lợi thủy hải sản phong phú. Tuy nhiên, những nguồn tài nguyên này chưa được quan tâm đúng mức:

- Các hệ sinh cửa sông, đầm, vịnh và thảm cỏ biển đang bị tàn phá và khai thác quá mức do các hoạt động nuôi trồng thủy hải sản;

- Nhiều loài đang bị khai thác quá mức và có nguy cơ cạn kiệt dần như: Cá Ngựa, tôm hùm con ở Sông Cầu, Sò huyết đầm Ô Loan...

- Các hoạt động khai thác thủy hải sản với các ngư cụ đánh bắt huỷ diệt và hoạt động khai thác san hô đã và đang tàn phá các rạn san hô vùng ven bờ;

- Nguồn lợi thủy hải sản ven bờ đang bị khai thác quá mức;

- Công tác điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường ven biển chưa được quan tâm và đầu tư đúng mức;

- Nhận thức của đông đảo ngư dân ven biển về tầm quan trọng của tài nguyên và môi trường ven biển còn yếu kém;

3.2.5. Ô nhiễm môi trường đô thị và nông thôn; công tác khắc phục, giảm thiểu ô nhiễm và bảo vệ môi trường

Mặc dù, vấn đề khắc phục, giảm thiểu ô nhiễm và bảo vệ môi trường được sự quan tâm của các cấp, các ngành. Hàng năm, đều tổ chức quan trắc, phân tích hiện trạng môi trường. Việc đánh giá tác động môi trường của các dự án được thực hiện nghiêm túc và đúng quy trình. Tuy nhiên, vấn đề ô nhiễm môi trường còn một số tồn tại như sau:

- Chưa có hành động cụ thể trong xử lý rác thải tập trung ở các khu công nghiệp khu dân cư vùng thị trấn, thị tứ và vùng nông thôn;

- Chưa xây dựng được các quy hoạch về hệ thống thu gom và xử lý nước thải, rác thải ở các ở các thị trấn huyện lỵ;

- Vấn đề giám sát của cơ quan quản lý nhà nước sau thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường chưa được thường xuyên, ý thức tự giác thực hiện các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của các nhà đầu tư chưa cao;

- Ô nhiễm môi trường nước thải, rác thải ở các làng nghề và khu vực ven biển chưa được khắc phục và đánh giá đúng mức;

- Ô nhiễm môi trường nước và không khí ở một số nhà máy vẫn còn tiếp diễn như: Nhà máy đường Tuy Hoà, Nhà máy sản xuất tinh bột sắn ở Sông Hinh và Đồng Xuân...;

- CSDL về môi trường (như các chỉ số về môi trường nước, không khí và các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm, mức độ ô nhiễm...) còn thiếu, chưa được điều tra, bổ sung, cập nhật và tích hợp với các CSLD khác;

- CSDL về chất thải nguy hại chưa được xây dựng và cập nhật;

- Nhận thức của đông đảo nhân dân và doanh nghiệp về bảo vệ môi trường từng bước đã được nâng lên, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước;

- Trong công tác phê duyệt dự án đầu tư phát triển sản xuất, dịch vụ trên địa bàn chưa thực sự chú ý nhiều đến các giải pháp bảo vệ môi trường.

3.2.6. Bảo vệ và phát triển rừng.

Công tác bảo vệ và phát triển rừng trong những năm qua đã có những thành tựu đáng kể. Trung ương và địa phương đã đầu tư nhiều dự án trồng mới và khoanh nuôi, bảo vệ rừng. Độ che phủ rừng tăng từ 31% lên 36% vào năm 2005. Tuy nhiên, công tác bảo vệ và phát triển rừng còn những tồn tại nhất định. Cụ thể như sau:

- Ý thức bảo vệ rừng của đông đảo nhân dân còn yếu kém, nạn phá rừng của số ít nhân dân vẫn đang còn tiếp diễn;

- Tình trạng khai hoang để chăn nuôi và trồng trọt của đa số dân tộc ít người vẫn chưa được ngăn chặn triệt để;

- Nạn cháy rừng vẫn diễn ra và phá huỷ nhiều hecta rừng tự nhiên, rừng trồng;

3.2.7. Về công tác tổ chức bộ máy.

Mặc dù, hệ thống tổ chức của ngành Tài nguyên và Môi trường đã được kiện toàn từ tỉnh đến cơ sở, tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại nhất định:

- Trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức, viên chức Phòng Tài nguyên và Môi trường, các bộ địa chính xã, phường, thị trấn chưa am hiểu sâu về chuyên môn nghiệp vụ;

- Nguồn nhân lực ngành Tài nguyên và Môi trường đang còn thiếu, đặc biệt là thiếu cán bộ có chuyên môn về môi trường, khoáng sản, tài nguyên nước ở cấp huyện và cấp xã;

- Đội ngũ cán bộ làm công tác chuyên môn, thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực tài nguyên và môi trường còn thiếu, đặc biệt là ở cấp huyện;

- Công tác giải quyết công việc còn chậm và lúng túng;

- Thủ tục hành chính trong công tác thẩm định, cấp phép, giao đất và cho thuê đất vẫn còn rườm rà, chưa đáp ứng được trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và gia nhập WTO;

- Trang thiết bị phục vụ công tác của ngành chưa đầy đủ;

3.3. Quan điểm:

3.3.1. Nâng cao nhận thức cộng đồng về quản lý, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường; Chấp hành nghiêm quy định pháp luật về lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

3.3.2. Tăng cường năng lực, chú trọng phát triển nguồn nhân lực và tính hiệu quả trong công tác quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường phục vụ phát triển kinh tế, xã hội; tăng cường quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường và phát triển bền vững theo mục tiêu phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2006-2010 của Tỉnh;

3.3.3. Quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý, tiết kiệm và bảo vệ môi trường;

3.3.4. Cải cách thủ tục hành chính;

3.3.5. Tăng cường công tác thanh, kiểm tra phát hiện xử lý và khắc phục hậu quả những hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường;

3.3.6. Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản, xây dựng và hoàn chỉnh CSDL phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường;

3.3.7. Tăng cường hợp tác, phối hợp với các ngành liên quan, các tỉnh lân cận trong công tác quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

3.4. Mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu của chương trình.

3.4.1. Mục tiêu tổng quát.

Sử dụng hợp lý, tiết kiệm; bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường, đảm bảo tăng trưởng kinh tế, xoá đói, giảm nghèo và cải thiện chất lượng cuộc sống một cách bền vững.

3.4.2. Mục tiêu cụ thể:

Sử dụng hợp lý, bền vững và chống thoái hoá tài nguyên đất.

Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên khoáng sản.

Bảo vệ môi trường nước và sử dụng bền vững tài nguyên nước.

Bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học biển, ven biển và hải đảo.

Bảo vệ, phát triển rừng và đa dạng sinh học rừng.

Giảm ô nhiễm không khí ở các đô thị và khu công nghiệp.

Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại.

Giảm nhẹ và hạn chế những ảnh hưởng của sự cố môi trường và phòng chống thiên tai.

3.5. Định hướng phát triển bền vững đến năm 2010.

3.5.1. Quản lý, sử dụng hợp lý và chống thoái hoá tài nguyên đất.

- Tăng cường tuyên truyền phổ biến các văn bản pháp luật về tài nguyên đất;
- Điều tra, xây dựng và hoàn thiện CSDL về đất đai phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai;

- Nâng cao nhận thức các tổ chức, cá nhân và cộng đồng về lợi ích khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng đất đúng mục đích;

- Khuyến khích nông dân đầu tư cải tạo đất, phát triển rừng ở các vùng đất trống đồi núi trọc nhằm chống xói mòn và rửa trôi đất;

- Áp dụng các mô hình canh tác có hiệu quả, nâng cao hiệu quả của việc sử dụng đất.

3.5.2. Quản lý hiệu quả và sử dụng tiết kiệm, bền vững tài nguyên khoáng sản.

- Tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật về tài nguyên khoáng sản;

- Điều tra bổ sung, xây dựng và hoàn thiện CSDL về tài nguyên khoáng sản phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản;

- Xây dựng quy hoạch tổng thể, quản lý tài nguyên khoáng sản có hiệu quả.

- Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư công nghệ khai thác hiện đại, chống thất thoát tài nguyên và sử dụng tiết kiệm, tận dụng tối đa quặng thải nguồn tài nguyên khoáng sản;

- Ngăn chặn triệt để tình trạng khai thác tài nguyên khoáng sản tự phát, không có quy hoạch, không có giấy phép, đặc biệt là tình trạng khai thác vật liệu xây dựng ở một số điểm nóng và khai thác nhỏ lẻ của nhân dân ở một số mỏ nhỏ, phân tán;

- Quản lý hiệu quả hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản; hoạt động hoàn phục môi trường như hoàn thổ, khôi phục hệ thực vật sau khi khai thác...

3.5.3. Bảo vệ môi trường nước và sử dụng bền vững tài nguyên nước.

- Tuyên truyền phổ biến văn bản pháp luật về tài nguyên nước;

- Điều tra bổ sung, xây dựng và hoàn chỉnh CSDL về tài nguyên nước phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước, đặc biệt là nước ngầm;

- Xây dựng chương trình, dự án điều tra nước ngầm ở các huyện miền núi;

- Quản lý hiệu quả hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên nước mặt, nước ngầm, đặc biệt là ở các khu công nghiệp, khu nuôi trồng thủy sản trên cát; hoạt động xả nước thải vào nguồn nước...

- Kiểm soát chặt chẽ tình trạng ô nhiễm nguồn nước của các nhà máy sản xuất tinh bột sắn, nhà máy đường;

- Xây dựng cơ chế, chính sách huy động toàn xã hội tham gia bảo vệ và sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên nước ngầm;

3.5.4. Bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học biển, ven biển và hải đảo.

- Nâng cao nhận thức cộng đồng ven biển về giá trị và tầm quan trọng của môi trường và đa dạng sinh học biển và ven biển;

- Điều tra, xây dựng CSDL về hiện trạng môi trường và đa dạng sinh học biển và ven biển;

- Tăng cường hoạt động đánh bắt thủy hải sản xa bờ; hạn chế đánh bắt ở vùng ven bờ, cửa sông;

- Khuyến khích và ngăn chặn triệt để việc sử dụng công cụ khai thác mang tính hủy diệt trong hoạt động khai thác thủy hải sản.

- Khắc phục sự cố và giảm thiểu ảnh hưởng do sự cố tràn dầu, đắm tàu trên biển.

- Khắc phục và giảm thiểu ô nhiễm môi trường ở các bãi neo đậu, cảng cá...

- Tăng cường bảo vệ các hệ sinh thái nhạy cảm ven bờ như: hệ sinh thái cửa sông, hệ sinh thái thảm cỏ biển, hệ sinh thái rạn san hô và đầu tư khôi phục hệ sinh thái rừng ngập mặn ở huyện Sông Cầu;

3.5.5. Bảo vệ, phát triển rừng và đa dạng sinh học rừng.

- Tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng;

- Đẩy mạnh công tác giao đất, giao rừng cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân để khoanh nuôi, quản lý, phát triển và bảo vệ rừng.

- Đầu tư phát triển rừng ở các vùng đất trống đồi núi trọc, rừng phòng hộ ven biển chống sự xâm nhập của cát.

- Tăng cường công tác bảo vệ và phát triển các khu rừng cấm Đèo Cả, rừng đặc dụng, Khu bảo tồn thiên nhiên Krông Trai, các khu rừng phòng hộ đầu nguồn.

3.5.6. Giảm ô nhiễm không khí ở các đô thị và khu công nghiệp.

- Kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm không khí của các hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản, các nhà máy;

- Xây dựng chương trình, dự án khắc phục ô nhiễm do hoạt động giao thông gây ra;

- Kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí ở Khu công nghiệp Hòa Hiệp, An Phú, Đông Bắc Sông Cầu và các cụm điểm công nghiệp.

- Ngăn chặn tình trạng ô nhiễm bụi do hoạt động xây dựng ở các đô thị, đặc biệt là thành phố Tuy Hòa.

3.5.7. Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại.

- Xây dựng và thực hiện chương trình dự án phân loại rác thải tại nguồn;

- Xây dựng và thực hiện chương trình dự án thu gom và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại.

- Tập huấn, nâng cao nhận thức và kỹ năng về an toàn hoá chất cho doanh nghiệp, nông dân trong việc sử dụng hoá chất và thuốc bảo vệ thực vật;

- Điều tra bổ sung, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu về chất thải rắn và chất thải nguy hại.

- Xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án khắc phục ô nhiễm do chất độc chiến tranh, thuốc bảo vệ thực vật.

3.5.7. Giảm nhẹ và hạn chế những ảnh hưởng của sự cố môi trường và phòng chống thiên tai.

- Tăng cường công tác phòng chống cháy nổ, sự cố môi trường trong khai thác và sản xuất, kinh doanh.
- Tăng cường công tác phòng chống thiên tai như: bão, lũ lụt, sạt lở đất...
- Khắc phục và hạn chế tối đa ảnh hưởng ô nhiễm môi trường do sự cố môi trường và thiên tai gây ra.

4. Một số chỉ tiêu và giải pháp thực hiện

4.1. Một số chỉ tiêu

- Nâng tỷ lệ che phủ rừng lên từ 36% (hiện trạng năm 2005) lên 45% vào năm 2010.
- Đến năm 2010, 100% khu công nghiệp, cụm điểm công nghiệp có khu xử lý nước thải tập trung; 50% cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường.
- Phấn đấu đến năm 2010 có 75% hộ dân nông thôn và 95% hộ dân đô thị được sử dụng nước sạch; thu gom và xử lý cơ bản rác thải sinh hoạt đô thị; quản lý và xử lý 100% chất thải công nghiệp nguy hại, chất thải y tế.
- Ngăn chặn triệt để tình trạng thăm dò, khai thác tài nguyên nước, khoáng sản tự phát, không có quy hoạch; Phòng ngừa có hiệu quả khả năng ô nhiễm môi trường do các hoạt động phát triển kinh tế xã hội gây ra.

4.2. Một số giải pháp

4.2.1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về quản lý, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và bảo vệ môi trường đất, khoáng sản, nước mặt và nước ngầm; bảo vệ môi trường đô thị, nông thôn và đa dạng sinh học.

- Xây dựng nội dung và tổ chức tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật tài nguyên và môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài phát thanh và truyền hình;
- Hình thành chuyên trang, chuyên mục về lĩnh vực tài nguyên và môi trường, tổ chức đăng tải và phát sóng định kỳ 1 lần/tuần;
- Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về Luật đất đai; Luật Tài nguyên nước và Luật Bảo vệ môi trường;
- Tuyên truyền về lợi ích của nhân dân khi được cấp giấy CNQSDĐ; sử dụng đất đúng mục đích.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng, doanh nghiệp về việc quản lý, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên đất, tài nguyên nước, khoáng sản và bảo vệ môi trường.

- Tổ chức cuộc thi "sáng kiến về quản lý, bảo vệ tài nguyên và môi trường";

- Tổ chức tuyên truyền bằng các điểm thông tin và đội ngũ tuyên truyền viên cơ sở về lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

4.2.2. Tăng cường năng lực quản lý.

a) Kiện toàn tổ chức bộ máy Ngành Tài nguyên và Môi trường.

- Bố trí đủ biên chế, cán bộ có đủ năng lực cho ngành Tài nguyên và Môi trường các cấp (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã), với cơ sở đủ mạnh và trong sạch; phù hợp với Chương trình cải cách hành chính của Chính phủ;

- Nâng cao chất lượng, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường;

- Phân cấp cụ thể chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước, khoáng sản, môi trường đối với UBND huyện, thành phố thuộc tỉnh;

- Rà soát lại chức năng quản lý tài nguyên nước, khoáng sản của các cơ quan khác nhau nhằm tránh chồng chéo, trùng lặp, đồng thời nghiên cứu hình thành bộ máy quản lý tài nguyên và môi trường mang tính thống nhất liên ngành.

b) Cải cách hành chính.

- Cải cách triệt để các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai, môi trường, khoáng sản, tài nguyên nước;

- Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trong việc thẩm định hồ sơ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thăm dò, khai thác nước ngầm; thăm dò, khai thác khoáng sản; đánh giá tác động môi trường.

c) Tăng cường đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

- Tăng cường đội ngũ cán bộ có phẩm chất và năng lực, đặc biệt chú ý bố trí đủ cán bộ quản lý tài nguyên môi và môi trường ở 3 cấp (tỉnh, huyện, xã);

- Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng; chính trị, hành chính, ngoại ngữ... cho cán bộ ngành để có thể đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của ngành Tài nguyên và Môi trường trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế (WTO).

- Tăng cường kiểm tra, giám sát của các cơ quan, đoàn thể, cộng đồng để ngăn ngừa tham nhũng và tiêu cực;

d) Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra để đảm bảo quản lý việc sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Kiểm tra, thanh tra việc quản lý và sử dụng đất, nước, khoáng sản và bảo vệ môi trường.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường.

- Tổ chức thanh, kiểm tra đột xuất và định kỳ.

- Tổ chức giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về các lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

e) Phát triển khoa học công nghệ; tăng cường cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý tài nguyên và môi trường.

- Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý của ngành tài nguyên và môi trường.

- Đẩy nhanh tiến trình hiện đại hoá ngành tài nguyên và môi trường để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý của ngành ở địa phương.

4.2.2. Xây dựng thể chế.

- Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích cá nhân, tổ chức tham gia vào quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Xây dựng cơ chế, huy động các nguồn vốn cho hoạt động tài nguyên và môi trường, bao gồm các nguồn vốn: ngân sách nhà nước, xã hội và các nguồn vốn khác như: kinh phí cấp phép và phí sử dụng tài nguyên...

- Xây dựng cơ chế khuyến khích đầu tư, cơ chế quản lý thu chi và qui chế quản lý các lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

4.2.3. Xây dựng qui hoạch, kế hoạch, chiến lược quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường.

- Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho các xã còn lại;

- Quy hoạch cụm các bãi rác thải, nghĩa trang, nghĩa địa trên toàn tỉnh;

- Quy hoạch hệ thống quan trắc môi trường tỉnh;

- Rà soát, chỉnh sửa bổ sung Chiến lược Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;

- Quy hoạch khu bảo tồn biển, bảo tồn loài và hệ sinh thái;

- Kế hoạch thực hiện Công ước Đa dạng sinh học, Stockholm, biến đổi khí hậu, bảo vệ tầng ôzôn, đất ngập nước, vận chuyển chất thải nguy hại;

- Kế hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên hàng năm;

- Chiến lược quản lý tổng hợp vùng bờ tỉnh Phú Yên, đề nghị được tham gia vào pha II Chương trình quản lý tổng hợp vùng bờ của quốc gia;

- Lập quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản theo thẩm quyền cấp phép đến năm 2015 và dự báo đến năm 2020 theo hướng khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả.

4.2.4. Điều tra cơ bản, cập nhật, bổ sung và hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ quản lý nhà nước có hiệu quả; sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

Công tác điều tra cơ bản phải đáp ứng được yêu cầu cung cấp thông tin cho việc ra quyết định lập quy hoạch, kế hoạch, cấp phép việc khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường đảm bảo phát triển kinh tế, xã hội bền vững và xoá đói giảm nghèo.

a) Lĩnh vực tài nguyên đất:

- Điều tra xây dựng bản đồ đất Phú Yên;
 - Bản đồ hiện trạng sử dụng đất đến năm 2010;
 - Đánh giá hiệu quả của việc sử dụng đất đai; điều tra các vấn đề kinh tế, xã hội của việc quản lý và sử dụng đất đai.

- Đo đạc, lập hồ sơ và bản đồ địa chính;

- Cập nhật, chỉnh lý hồ sơ và bản đồ địa chính cho 15 xã của 03 huyện;

- Số hóa bản đồ cho những xã đã có bản đồ nhưng chưa số hóa.

- Xây dựng và áp dụng hiệu quả hệ thống thông tin đất đai;

b) Lĩnh vực tài nguyên nước và khí tượng thủy văn.

- Kiểm kê tài nguyên nước, xây dựng bản đồ lưu vực sông và cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước;

- Quan trắc nước mặt, đánh giá tổng hợp tài nguyên nước mặt;

- Điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất; tình hình khai thác và sử dụng tài nguyên nước ngầm ở các xã, phường ven biển thuộc huyện Sông Cầu, Tuy An, Đông Hoà và thành phố Tuy Hòa;

- Xây dựng và triển khai thực hiện dự án: Điều tra, đánh giá thực trạng các vùng đất ngập nước tỉnh Phú Yên;

- Xây dựng và triển khai thực hiện đề án: Điều tra, đánh giá nguồn nước dưới đất và lập bản đồ địa chất thủy văn tỷ lệ 1/50.000 trên diện tích các huyện Sông Hinh, Sơn Hoà và Đông Xuân tỉnh Phú Yên";

- Phối hợp với Ban chỉ đạo nước sạch-vệ sinh môi trường quốc gia thực hiện các dự án cung cấp nước sạch cho các xã đặc biệt khó khăn, các huyện: Sơn Hòa, Sông Hinh, Đồng Xuân;

- Đánh giá nguy cơ tiềm ẩn các hồ chứa nước lớn trên lưu vực sông Ba (sông Hinh, sông Ba Hạ, sông Năng) và nhân tố quốc lộ 1A mới để phòng tránh lũ lụt cho các huyện Tây Hòa, Đông Hòa, Phú Hòa và TP. Tuy Hòa;

- Thu thập, cập nhật và xử lý thông tin về tình hình khí tượng thủy văn và thiên tai để có thể dự báo chính xác, kịp thời;

- Phối hợp kiểm tra, tiến hành công tác phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai liên quan đến các hiện tượng khí tượng, thủy văn tại địa phương.

c) Lĩnh vực tài nguyên khoáng sản.

- Thu thập, tổng hợp cơ sở dữ liệu về tài nguyên khoáng sản;

- Điều tra, đánh giá lại trữ lượng khoáng sản các mỏ đã phát hiện; Đánh giá trữ lượng một số mỏ khoáng sản đặc thù;

- Thống kê trữ lượng các mỏ khoáng sản đã thăm dò;

d) Lĩnh vực môi trường.

* Quan trắc và phân tích môi trường:

- Cập nhật hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu về môi trường;

- Quan trắc và phân tích môi trường theo định kỳ hàng năm;

- Xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường 5 năm để đánh giá về hiện trạng môi trường đất, nước, không khí, môi trường trong khai thác khoáng sản; hiện trạng rác thải sinh hoạt, y tế, công nghiệp, độc hại.

* Phòng ngừa, khắc phục và giảm thiểu tác động môi trường:

- Điều tra, đánh giá thực trạng các cơ sở sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh;

- Khuyến khích áp dụng rộng rãi hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường; hệ thống quản lý môi trường; thí điểm áp dụng cho một số đơn vị sản xuất kinh doanh về sản xuất sạch hơn, tái chế, tái sử dụng chất thải;

- Thực hiện thí điểm về đánh giá môi trường chiến lược cho dự án Khu kinh tế Nam Phú Yên;

- Thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ qui trình đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, ký quỹ hoàn phục môi trường.

- Xây dựng và áp dụng mô hình về phân loại, thu gom, tái chế, xử lý chất thải và phục hồi môi trường;

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch quốc gia về kiểm soát ô nhiễm.

* Cải thiện chất lượng môi trường đô thị và nông thôn:

- Quản lý và xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Xây dựng kế hoạch, chương trình, dự án nhằm phân loại thu gom và xử lý chất thải thông thường và chất thải nguy hại;

- Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền tiếp tục khắc phục hậu quả chất độc hoá học sử dụng trong chiến tranh Việt Nam, các kho thuốc bảo vệ thực vật.

- Xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án cải thiện chất lượng môi trường làng nghề và các khu vực ô nhiễm nghiêm trọng.

* Cải thiện chất lượng môi trường biển và ven biển

- Xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án cải thiện chất lượng môi trường các lưu vực sông, dải ven biển;

- Quản lý tổng hợp các hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy hải sản ven biển; ngăn chặn triệt để hoạt động khai thác thủy hải sản có sử dụng công cụ đánh bắt mang tính huỷ diệt;

- Ứng cứu, khắc phục kịp thời sự cố môi trường biển (tràn dầu, đắm tàu,...);

* Bảo tồn đa dạng sinh học và các hệ sinh thái:

- Thu thập và xây dựng cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học;

- Phối hợp điều tra, đánh giá đa dạng sinh học biển và rừng; đề xuất thành lập khu bảo tồn biển và phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên, khu rừng cấm, rừng phòng hộ;

- Xây dựng kế hoạch, dự án nhằm bảo vệ các vùng đất ngập nước; các hệ sinh thái cửa sông ven biển (sông Đà Rằng, sông Kỳ Lộ, Sông Bàn Thạch, đầm Cù Mông, Vịnh Xuân Đài, đầm Ô Loan, vũng Rô...);

- Xây dựng chương trình, dự án nhằm khôi phục rừng ngập mặn ở huyện Sông Cầu.

4.2.5. Tăng cường sự tham gia của cộng đồng vào việc đưa ra quyết định, quản lý và cung cấp tài chính.

- Mở rộng sự tham gia của cộng đồng trong việc lập, thực hiện kế hoạch, qui hoạch, kiểm tra, giám sát thực hiện quản lý, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường;

- Thiết lập cơ chế, chính sách để cộng đồng tham gia lập, thực hiện kế hoạch, qui hoạch nhằm phát huy các sáng kiến trong việc quản lý, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- Xây dựng quy chế và thiết lập chương trình huy động sức mạnh cộng đồng trong công tác phát triển bền vững tài nguyên và môi trường (hỗ trợ vật chất, kinh tế và thủ tục).

4.2.6. Mở rộng hợp tác với các tỉnh khu vực; trong nước và quốc tế để bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên và môi trường.

- Tăng cường hợp tác với các tỉnh lân cận trong công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên và môi trường (tỉnh Bình Định, Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hòa);

- Giao lưu, học hỏi kinh nghiệm của các tỉnh bạn về quản lý tài nguyên và môi trường;

- Tranh thủ sự hỗ trợ về tài chính cho công tác bảo vệ, phát triển tài nguyên và môi trường của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

5. Tổ chức thực hiện

5.1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành liên quan tổ chức thực hiện các nội dung của Chương trình và kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình theo khung chương trình.

- Hàng năm có báo cáo cho UBND tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường về kết quả tình hình thực hiện.

5.2. Các sở, ban, ngành có liên quan:

Chủ động, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng chương trình, kế hoạch lồng ghép đưa nội dung của Chiến lược phát triển bền vững ngành Tài nguyên và Môi trường vào trong chương trình, kế hoạch thực hiện hàng năm của ngành mình. Cụ thể như sau:

- *Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính*: Xây dựng kế hoạch và phân bổ ngân sách hàng năm để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các dự án của chương trình.

- *Sở Công nghiệp*: Lồng ghép xây dựng các chương trình, dự án xử lý nước thải ở các Khu công nghiệp, nhà máy, cơ sở sản xuất ngoài khu công nghiệp và làng nghề; các dự án giảm tiêu hao năng lượng, nhiên liệu tại các cơ sở sản xuất kinh doanh; các dự án sản xuất sạch hơn, đổi mới công nghệ, áp dụng tiêu chuẩn môi trường trong sản xuất, kinh doanh;

- *Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*: Chủ động phối hợp, xây dựng các chương trình, dự án lồng ghép đưa nội dung bảo vệ môi trường, chống thoái hóa, xói

mòn đất; ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm đất vào chương trình khuyến nông; bảo vệ thực vật, chăn nuôi thú y; điều chỉnh qui hoạch ba loại rừng và tăng cường công tác thanh, kiểm tra sử dụng đất rừng, bảo vệ và phát triển rừng.

- *Sở Xây dựng*: Phối hợp xây dựng đề án qui hoạch các bãi chôn lấp rác thải, các bãi tập kết trung chuyển rác thải cho các thị trấn thị tứ ở các huyện; nâng cấp hệ thống thoát nước và xây dựng hệ thống xử lý nước thải đô thị.

- *Sở Thủy sản*: Lồng ghép xây dựng các chương trình, dự án khắc phục và bảo vệ môi trường ở các cảng cá, khu nuôi trồng thủy sản, khu neo đậu đang bị ô nhiễm, đề án quy hoạch bãi giống, bãi đẻ; quản lý chặt chẽ hoạt động nuôi trồng thủy sản sử dụng mặt nước và đất ven biển; ngăn chặn triệt để các hoạt động khai thác thủy hải sản có sử dụng công cụ đánh bắt mang tính huỷ diệt.

- *Sở Khoa học và Công nghệ*: Chủ động xây dựng đề án nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh. Nghiên cứu và đề xuất các dự án xử lý nước thải và rác thải, tham mưu đề xuất cho UBND tỉnh các quy trình công nghệ xử lí, giảm thiểu và hạn chế ô nhiễm môi trường, đảm bảo phát triển bền vững.

- *Sở Giáo dục và Đào tạo*: Xây dựng và triển khai đề án lồng ghép chương trình giáo dục về bảo vệ môi trường, yêu thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học trong hệ thống giảng dạy và vui chơi giải trí ở trường học.

- *Sở Giao thông Vận tải*: Xây dựng và triển khai thực hiện các đề án giảm thiểu ô nhiễm do hoạt động giao thông vận tải.

- *Sở Y tế*: Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, dự án thu gom và xử lý chất thải y tế trên toàn tỉnh.

- *Sở Văn hóa Thông tin*: Xây dựng kế hoạch lồng ghép đưa nội dung phát triển bền vững tài nguyên và môi trường trong khai thác, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường vào nội dung tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

5.3. UBND các huyện, thành phố, Ban Quản lý các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề có trách nhiệm:

- Nghiên cứu, quán triệt và cụ thể hoá các quan điểm, mục tiêu của Chương trình Phát triển bền vững ngành Tài nguyên và Môi trường trong quá trình xây dựng kế hoạch hàng năm, kế hoạch 5 năm của đơn vị mình.

- UBND các cấp địa phương trình Hội đồng Nhân dân cùng cấp phân bổ, bố trí ngân sách nhà nước và đầu tư nguồn nhân lực triển khai các hoạt động thuộc lĩnh vực phù hợp với yêu cầu thực tế tại địa phương, phù hợp với định hướng,

mục tiêu chung định tại Chiến lược Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

5.4. Các tổ chức đoàn thể:

a) Phụ nữ:

- Hình thành phong trào lựa chọn mô hình tiêu dùng hợp lý, chống lãng phí tài nguyên và giảm thiểu ô nhiễm môi trường;
- Mở rộng phong trào dùng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, đẩy mạnh xây dựng các công trình hợp vệ sinh ở hộ gia đình;
- Thực hiện phong trào vệ sinh làng xóm, đường phố, phân loại rác tại nhà;
- Phát động phong trào sử dụng tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng và dùng các nguồn năng lượng sạch trong sinh hoạt gia đình;
- Phát động phong trào phụ nữ đi đầu trong việc thực hiện mô hình tiêu dùng hợp lý, tiết kiệm và chống lãng phí;
- Xây dựng các mô hình phụ nữ tự quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường ở cộng đồng.

b) Thanh, thiếu niên:

- Tham gia chủ động và tích cực hơn vào quá trình hoạt động bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường;
- Hỗ trợ thanh niên tự tạo thêm việc làm bằng những chính sách ưu đãi về quyền sử dụng đất đai, cho vay vốn với lãi suất ưu đãi, miễn giảm thuế, hướng dẫn kỹ thuật, nghiệp vụ quản lý, tìm thị trường tiêu thụ;
- Nhân rộng những điển hình tiên tiến về doanh nghiệp thanh niên, dự án do thanh niên làm chủ, nhà doanh nghiệp trẻ, đặc biệt đối với những dự án đòi hỏi sự gắn kết lâu dài lợi ích của những người thực hiện đối với kết quả công việc như trồng rừng, khai phá vùng đất mới, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

c) Nông dân:

- Thực hiện tốt các chính sách về ruộng đất;
- Tham gia tích cực vào các hoạt động bảo vệ môi trường nông nghiệp thông qua việc sử dụng thuốc trừ sâu, phân hoá học theo đúng qui định; giữ gìn môi trường nuôi trồng thuỷ sản; ứng dụng các kỹ thuật sản xuất nông sản sạch;
- Xây dựng, phổ biến và ứng dụng rộng rãi các mô hình thành công về kinh tế hộ gia đình theo hệ sinh thái vườn-ao-chuồng (VAC), vườn-ao-chuồng-rừng (VACR);

- Phát động phong trào xây dựng các cộng đồng nông thôn bền vững, giúp nhau cùng phát triển kinh tế và xóa đói giảm nghèo; phát huy tinh thần dân chủ, đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, xã hội, phong trào tự quản lý có hiệu quả các nguồn lực tự nhiên tại địa phương và bảo vệ môi trường.

d) Công nhân và công đoàn:

- Tham gia tích cực vào quá trình thảo luận và soạn thảo các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và bảo vệ môi trường;

- Tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức của công nhân về phát triển bền vững. Công nhân cùng tổ chức công đoàn phát huy vai trò đi đầu trong việc áp dụng các công nghệ sản xuất sạch và giữ gìn vệ sinh môi trường lao động;

- Buộc chủ doanh nghiệp phải chấp hành nghiêm chỉnh các qui định về vệ sinh môi trường và đấu tranh với những hành động vi phạm;

- Buộc chủ doanh nghiệp phải chấp hành nghiêm chỉnh các qui định về hợp đồng lao động, an toàn và vệ sinh lao động, bảo đảm sức khỏe cho người lao động và cho cộng đồng doanh nghiệp, giảm tai nạn lao động, tránh các bệnh nghề nghiệp và các sự cố môi trường lao động.

e) Các nhà doanh nghiệp:

- Áp dụng công nghệ sản xuất sạch và thân thiện với môi trường;

- Nâng cao trách nhiệm của các doanh nghiệp trong việc sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, chủ động ngăn ngừa, phòng chống và khắc phục ô nhiễm môi trường;

- Đóng góp các nguồn lực vào việc quản lý, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội góp phần vào phát triển bền vững trên địa bàn mà doanh nghiệp đóng và ở quy mô toàn xã hội.

f) Đồng bào các dân tộc ít người:

- Tăng cường đầu tư cho cơ sở hạ tầng (điện, đường giao thông, trường học, trạm y tế, thủy lợi...) phục vụ cho sản xuất và nâng cao đời sống của đồng bào các dân tộc ít người, bảo đảm tính cân đối, hợp lý và thu hẹp khoảng cách trong phát triển giữa các vùng, các dân tộc.

- Bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc, xây dựng nếp sống văn hoá mới.

- Chú trọng huy động đồng bào các dân tộc ít người tham gia trồng rừng và bảo vệ rừng; thực hiện các chính sách cung cấp lương thực và trợ cấp cho những người nhận khoán chăm sóc và bảo vệ rừng./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Thị Hà